

Số: 357 /KH-UBND

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP ngày 09/7/2026 của Chính phủ về phát triển công dân số trên địa bàn thành phố Hà Nội

Thực hiện Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP ngày 09/7/2026 của Chính phủ về phát triển công dân số (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP), UBND Thành phố ban hành Kế hoạch triển khai, thực hiện Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP trên địa bàn Thành phố, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP; phát triển công dân số gắn với cải cách hành chính, chuyển đổi số, phát triển dữ liệu và Đề án 06 của Thành phố; lấy người dân làm trung tâm, là chủ thể, nguồn lực và động lực của quá trình chuyển đổi số.

1.2. Bảo đảm người dân trên địa bàn Thủ đô được tiếp cận thuận tiện, bình đẳng, an toàn với dịch vụ số; được hướng dẫn tích hợp, cập nhật thông tin, giấy tờ thiết yếu trên ứng dụng VNeID và được thụ hưởng đầy đủ, kịp thời các chính sách miễn, giảm phí, lệ phí theo Nghị quyết.

1.3. Khai thác hiệu quả hạ tầng, dữ liệu và mạng lưới phục vụ hành chính công của Thành phố; tạo chuyển biến thực chất trong phương thức người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ công, dịch vụ số; giảm thời gian, chi phí, số lần đi lại, số lần phải cung cấp hoặc khai lại thông tin, giấy tờ; tăng khả năng tự thực hiện thủ tục hành chính và bảo đảm tiếp cận bình đẳng các tiện ích số.

2. Yêu cầu

2.1. Bám sát phạm vi, đối tượng, điều kiện, quyền lợi và trách nhiệm quy định tại Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP; không làm phát sinh thủ tục, giấy tờ, nghĩa vụ hoặc hạn chế quyền của công dân ngoài quy định của pháp luật.

2.2. Tổ chức thực hiện theo nguyên tắc “6 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền; gắn kết quả thực hiện với trách nhiệm của người đứng đầu và chất lượng phục vụ người dân.

2.3. Bảo đảm liên thông từ cấp Thành phố đến xã, phường; phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ số và các tổ chức chính trị - xã hội.

2.4. Tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin, an ninh mạng và bí mật nhà nước; dữ liệu chỉ được kết nối, chia sẻ, khai thác đúng mục đích, đúng thẩm quyền và có khả năng kiểm tra, giám sát.

2.5. Ưu tiên hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật, người có hoàn cảnh khó khăn, người ít có điều kiện tiếp cận công nghệ và các nhóm cần trợ giúp khác; duy trì phương thức hỗ trợ trực tiếp, không để phát sinh khoảng cách số trong tiếp cận dịch vụ công.

II. CHỈ TIÊU TRỌNG TÂM

1. Phần đầu 100% công dân đủ điều kiện, có nhu cầu được hướng dẫn, hỗ trợ cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2 và tích hợp 05 loại thông tin, giấy tờ cơ bản¹ theo Phụ lục I của Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP.

2. 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Thành phố có chính sách miễn, giảm phí, lệ phí theo Phụ lục II và Phụ lục III của Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP được rà soát, tái cấu trúc và cấu hình trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố, bảo đảm tự động xác thực điều kiện và không yêu cầu người dân cung cấp lại dữ liệu đã có.

3. 100% chi nhánh, điểm phục vụ hành chính công và bộ phận tiếp nhận, trả kết quả tại xã, phường có tài liệu, nhân lực hoặc kênh hỗ trợ phù hợp để hướng dẫn người dân tiếp cận chính sách công dân số trong thời gian Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP có hiệu lực.

4. 100% cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ cập nhật kết quả theo kỳ báo cáo; dữ liệu thực hiện được tổng hợp theo cơ quan, địa bàn, nhóm nhiệm vụ và phản ánh được tiến độ, kết quả, khó khăn, vướng mắc.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Rà soát, tái cấu trúc quy trình và tổ chức thực hiện chính sách ưu đãi

1.1. Rà soát toàn bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Thành phố có liên quan đến chính sách miễn, giảm phí, lệ phí; công bố, cập nhật quy trình nội bộ, quy trình điện tử; cấu hình hệ thống để tự động kiểm tra điều kiện hưởng ưu đãi, xác định mức thu và lưu vết kết quả xử lý. Ưu tiên các nhóm thủ tục phát sinh nhiều giao dịch, liên quan trực tiếp đến nhà, đất, phương tiện, phòng cháy, chữa cháy và các nhóm thủ tục quy định tại Phụ lục II, Phụ lục III của Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP.

1.2. Tổ chức thực hiện chính sách miễn, giảm phí, lệ phí đối với các đối tượng đủ điều kiện theo Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP.

¹ Lĩnh vực Hộ tịch (Giấy khai sinh); lĩnh vực Ngân hàng (Thông tin Thẻ ngân hàng/Tài khoản thanh toán/Ví điện tử/Tài khoản tiền di động); Lĩnh vực An sinh xã hội (Thông tin Tài khoản an sinh xã hội); lĩnh vực Viễn thông, công nghệ (Thông tin Số thuê bao di động); lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh (Sổ sức khỏe điện tử).

2. Phát triển định danh điện tử, chữ ký số và thanh toán số

Tổ chức cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2; hướng dẫn tích hợp thông tin, giấy tờ thiết yếu; triển khai chữ ký số công cộng trên VNeID đối với biểu mẫu, tờ khai; thúc đẩy liên kết tài khoản thanh toán, ví điện tử, thẻ ngân hàng và tài khoản tiền di động theo quy định, bảo đảm thuận tiện nhưng không bắt buộc sử dụng một nhà cung cấp dịch vụ cụ thể.

3. Kết nối, làm sạch và khai thác dữ liệu phục vụ người dân

Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống định danh và xác thực điện tử với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Tập trung chuẩn hóa, đồng bộ dữ liệu hộ tịch, y tế, giáo dục, an sinh xã hội, thuế, đất đai và phương tiện theo chức năng, thẩm quyền; xử lý sai lệch dữ liệu theo đầu mối, không đẩy trách nhiệm đổایت sang người dân.

4. Tổ chức mạng lưới hỗ trợ công dân số phù hợp đặc thù Thủ đô

4.1. Phát huy hệ thống chi nhánh, điểm phục vụ hành chính công, UBND xã, phường, Tổ chuyển đổi số cộng đồng và Đề án 06, đoàn viên, hội viên và lực lượng tình nguyện để hỗ trợ trực tiếp tại địa bàn dân cư. Tổ chức hỗ trợ lưu động hoặc theo khung giờ phù hợp tại khu dân cư, chung cư, trường học, cơ sở y tế, khu vực đông người lao động; ưu tiên nhóm yếu thế và người hạn chế kỹ năng số.

4.2. Phát triển các kênh hỗ trợ công dân số đa nền tảng; tăng cường giải đáp, hướng dẫn thông qua Tổng đài hỗ trợ hành chính công của Thành phố; nghiên cứu tích hợp trợ lý ảo (Chatbot) trên ứng dụng iHanoi, Cổng Dịch vụ công và các nền tảng phù hợp để hỗ trợ, hướng dẫn người dân thường xuyên, liên tục, góp phần giảm tải cho lực lượng hỗ trợ trực tiếp tại cơ sở.

5. Truyền thông, phổ cập kỹ năng và xây dựng văn hóa số

Tổ chức truyền thông thống nhất, dễ hiểu về điều kiện, quyền lợi, thời hạn áp dụng và cách thức thụ hưởng chính sách; công khai hướng dẫn trên Cổng thông tin điện tử Thành phố, ứng dụng iHanoi, hệ thống thông tin cơ sở và các kênh chính thức của cơ quan, đơn vị. Hướng ứng Ngày Công dân số Việt Nam 15 tháng 10 bằng các hoạt động thực hành, hỗ trợ tích hợp giấy tờ và sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tránh hình thức.

6. Bảo đảm an toàn, an ninh và bảo vệ quyền của công dân

Thực hiện đánh giá an toàn hệ thống, phân quyền truy cập, ghi nhật ký, giám sát và ứng phó sự cố; kiểm soát việc thu thập, sử dụng, chia sẻ dữ liệu cá nhân. Tiếp nhận, xử lý kịp thời phản ánh, kiến nghị; tăng cường cảnh báo, hướng dẫn phòng ngừa lừa đảo, giả mạo và chiếm đoạt tài khoản trên môi trường số.

7. Theo dõi, đo lường và cải tiến chất lượng phục vụ

Xây dựng bộ chỉ số và bảng theo dõi kết quả theo cơ quan, đơn vị, xã, phường; tối thiểu gồm tiến độ cấu hình thủ tục, số lượng hồ sơ được hưởng ưu đãi, tình trạng

tích hợp dữ liệu, mức độ sử dụng chữ ký số, thanh toán số, số lượt được hỗ trợ, phản ánh phát sinh và thời gian xử lý. Định kỳ phân tích dữ liệu, công khai hoặc chia sẻ kết quả phù hợp để kịp thời điều chỉnh phương thức triển khai.

Các nhiệm vụ, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời hạn và sản phẩm cụ thể thực hiện theo Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp, trong phạm vi dự toán được giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định; đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gửi đề xuất về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp theo quy định, đồng thời gửi Sở Tài chính để tham mưu cân đối nguồn lực.

3. Ưu tiên tận dụng hạ tầng, nền tảng, dữ liệu và nguồn lực hiện có; việc đầu tư, thuê dịch vụ công nghệ thông tin phải tránh trùng lặp, bảo đảm hiệu quả, an toàn và khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chủ tịch UBND Thành phố, Trưởng Ban Chỉ đạo của UBND Thành phố về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 chỉ đạo, điều hành toàn diện việc thực hiện Kế hoạch.

2. Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo theo lĩnh vực được phân công chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị và UBND cấp xã thực hiện nhiệm vụ, xử lý kịp thời vấn đề vượt thẩm quyền.

3. Tổ công tác triển khai Đề án 06, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 Thành phố trực tiếp đôn đốc, hướng dẫn, điều phối liên ngành; định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, tham mưu báo cáo cấp có thẩm quyền và đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

4. Công an Thành phố

Là Cơ quan Thường trực, chủ trì theo dõi, kiểm tra, đôn đốc; hướng dẫn cấp tài khoản định danh điện tử, tích hợp dữ liệu và khai thác VNeID; phối hợp bảo đảm an ninh, an toàn; tổng hợp kết quả, tham mưu sơ kết, tổng kết và đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ khi cần thiết.

5. Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố

5.1. Chủ trì rà soát, tái cấu trúc, công bố và tổ chức thực hiện quy trình thủ tục hành chính (TTHC); bảo đảm tại các chi nhánh, điểm phục vụ hành chính công có hướng dẫn thống nhất; theo dõi chất lượng giải quyết hồ sơ, phản ánh của người dân và phối hợp cập nhật quy trình điện tử.

5.2. Phối hợp các cơ quan quản lý thủ tục hành chính rà soát nội dung, điều kiện, phí, lệ phí và đề xuất phương án thực hiện.

5.3. Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ nghiên cứu phát triển các kênh hỗ trợ công dân số đa nền tảng và các nền tảng phù hợp để hỗ trợ, hướng dẫn người dân thường xuyên, liên tục, góp phần giảm tải cho lực lượng hỗ trợ trực tiếp tại cơ sở.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì về hạ tầng số, nền tảng, kết nối, chia sẻ dữ liệu, chữ ký số và an toàn thông tin theo chức năng; phối hợp cấu hình Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố; tổng hợp các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có liên quan.

7. Sở Tài chính

7.1. Chủ trì tham mưu cân đối, bố trí kinh phí theo khả năng ngân sách; phối hợp hướng dẫn cấu hình, áp dụng và hạch toán các khoản phí, lệ phí được miễn, giảm; kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định.

7.2. Nghiên cứu, phối hợp các đơn vị liên quan hướng dẫn, tham mưu việc bố trí kinh phí phù hợp cho hoạt động hỗ trợ công dân số tại cơ sở trên cơ sở đúng quy định và khả năng cân đối ngân sách.

7.3. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan rà soát các nghị quyết, quy định hiện hành của Hội đồng nhân dân Thành phố về phí, lệ phí; tham mưu UBND Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành quy định theo thẩm quyền, bảo đảm xác định rõ đối tượng, mức miễn, giảm, điều kiện áp dụng và thời điểm thực hiện, đồng bộ với việc tái cấu trúc TTHC và cấu hình quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thành phố.

8. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ dữ liệu y tế theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền; triển khai, khai thác hiệu quả Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID; hướng dẫn các cơ sở y tế phối hợp hỗ trợ người dân cập nhật, kiểm tra thông tin sức khỏe; bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và dữ liệu sức khỏe theo quy định.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì chuẩn hóa thông tin người học; cập nhật dữ liệu văn bằng, chứng chỉ theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; lồng ghép phổ cập kỹ năng số, an toàn số phù hợp trong nhà trường và phối hợp hỗ trợ cha mẹ học sinh sử dụng tiện ích số.

10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ trì và phối hợp tuyên truyền, phổ biến chính sách; lồng ghép nội dung về quyền, trách nhiệm, kỹ năng và văn hóa ứng xử của công dân trên môi trường số trong hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch; phối hợp các cơ quan báo chí, chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền các nhiệm vụ phát triển công dân số trên địa bàn thành phố Hà Nội.

11. Sở Dân tộc và Tôn giáo

11.1. Chủ trì, phối hợp với Công an Thành phố, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chính sách ưu đãi công dân số; hướng dẫn kích hoạt tài khoản định danh điện tử (VNeID) mức độ 2, tích hợp thông tin giấy tờ thiết yếu và sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho đồng bào dân tộc thiểu số, người có uy tín, chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo. Lồng ghép tuyên truyền, phổ cập kỹ năng số và văn hóa ứng xử trên môi trường số vào các chương trình tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, các cuộc hội nghị, giao lưu, tọa đàm với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và đại diện các tổ chức tôn giáo.

11.2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Công an Thành phố xây dựng, chuẩn hóa, kết nối và chia sẻ Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

12. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 1

Phối hợp hướng dẫn các tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán trên địa bàn triển khai liên kết tài khoản thanh toán và các phương thức thanh toán điện tử với VNeID theo tiêu chuẩn kỹ thuật, bảo đảm quyền lựa chọn, an toàn và bảo mật của khách hàng.

13. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố

Tuyên truyền, vận động và tổ chức lực lượng hỗ trợ người dân tại cơ sở; phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên trong phổ cập kỹ năng số, Hội Liên hiệp Phụ nữ trong hỗ trợ phụ nữ, trẻ em và gia đình, các tổ chức thành viên trong tiếp cận nhóm yếu thế, nhóm cần trợ giúp.

14. UBND các xã, phường

Xây dựng kế hoạch triển khai phù hợp địa bàn; bố trí điểm và lực lượng hỗ trợ; giao chỉ tiêu, theo dõi kết quả đến khu dân cư; phát huy Tổ chuyển đổi số cộng đồng và Đề án 06; tiếp nhận, tổng hợp khó khăn, vướng mắc và chịu trách nhiệm về chất lượng phục vụ người dân tại cơ sở.

15. Chế độ báo cáo

Các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch chi tiết và gửi UBND Thành phố (qua Công an Thành phố tổng hợp chung) **trước ngày 28/9/2026**.

Định kỳ trước ngày 15 hằng tháng, báo cáo kết quả thực hiện, lồng ghép trong báo cáo Đề án 06 với mục riêng “*Tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công dân số*”; Thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Yêu cầu Giám đốc các Sở, Thủ trưởng ban, ngành, đơn vị liên quan, Chủ tịch UBND các xã, phường tổ chức thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này, chịu trách nhiệm trước UBND Thành phố về tiến độ và kết quả thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo bằng văn bản về UBND Thành phố (qua Công an Thành phố) để tổng hợp, hướng dẫn hoặc tham mưu giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- UBND các phường, xã;
- VP UBTP: CVP, các PCVP;
- các Phòng: NC, ĐMPT, HCQT;
- Trung tâm TT, DL và CNS Hà Nội;
- Lưu: VT, CAHN(QLHC)_{Đ.Q.Hung}, NC_{Ngân};

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Việt Dũng

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 66.22/2026/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ
VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG DÂN SỐ TRONG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Kế hoạch số:/KH-UBND ngày ... tháng năm 2026 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả, sản phẩm
I	Về công tác tham mưu, hoàn thiện thể chế				
1.1	Thiết kế, tái cấu trúc quy trình, cung cấp dịch vụ số, dịch vụ công trực tuyến để áp dụng trực tiếp các chính sách ưu đãi quy định tại Nghị quyết 66.22/2026/NQ-CP, bảo đảm bình đẳng, thuận tiện, lấy người dân làm trung tâm và thực hiện công bố theo quy định pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.	Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố	Các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp xã	Hoàn thành theo thời hạn bảo đảm áp dụng trực tiếp các chính sách ưu đãi quy định tại Nghị quyết	Quy trình nghiệp vụ được rà soát, cập nhật; không yêu cầu công dân cung cấp lại thông tin, giấy tờ đã được tích hợp, xác thực khi giải quyết thủ tục hành chính.
1.2	Rà soát, tái cấu trúc quy trình các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Thành phố theo hướng tích hợp phương thức chữ ký số công cộng trên ứng dụng VNeID để ký số trên các biểu mẫu, tờ khai.	Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố	Các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp xã	Hoàn thành theo thời hạn bảo đảm áp dụng trực tiếp các chính sách ưu đãi quy định tại Nghị quyết	Tích hợp phương thức ký số công cộng trên ứng dụng VNeID để ký số trên các biểu mẫu, tờ khai.
II	Về phát triển, vận hành ứng dụng định danh quốc gia (VNeID)				
2.1	Đẩy mạnh cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2 cho công dân Việt Nam phục vụ việc thực	Công an Thành phố, UBND cấp xã	Các sở, ban, ngành liên quan	Thường xuyên	100% Công dân đủ điều kiện được cấp tài khoản

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả, sản phẩm
	hiện các chính sách của Nhà nước khuyến khích công dân số.				định danh điện tử mức độ 2 theo quy định.
2.2	Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, vận động người dân thực hiện tích hợp các thông tin, giấy tờ để phục vụ việc thực hiện các chính sách của Nhà nước khuyến khích công dân số (<i>nhất là chính sách miễn, giảm phí, lệ phí trong thực hiện một số thủ tục hành chính, giao dịch theo quy định tại Phụ lục II, Phụ lục III kèm theo Nghị quyết 66.22/2026/NQ-CP</i>), trọng tâm là 05 loại thông tin giấy tờ cơ bản trên ứng dụng VNeID tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết 66.22/2026/NQ-CP.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp xã	Thường xuyên, trọng tâm giai đoạn Nghị quyết có hiệu lực (15/8/2026 - 28/2/2027)	Công dân tích hợp đầy đủ các thông tin, giấy tờ để hưởng các chính sách của Nhà nước khuyến khích công dân số theo quy định.
2.3	Bảo đảm các điều kiện để công dân thực hiện quyền tiếp cận, sử dụng dịch vụ số, có chính sách hỗ trợ các nhóm yếu thế trong việc tiếp cận, sử dụng dịch vụ số theo phạm vi trách nhiệm của địa phương.	Các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp xã	Các doanh nghiệp đồng hành, đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Công dân thực hiện được quyền tiếp cận, sử dụng dịch vụ số theo quy định.
2.4	Triển khai tích hợp tiện tích, dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng được cấp trên ứng dụng VNeID trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thủ tục hành chính theo phạm vi trách nhiệm của Thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp xã, các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn Thành phố	Thường xuyên	Công dân có thể sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng được cấp trên ứng dụng VNeID trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thủ tục hành chính.
III	Về kết nối, đồng bộ, quản lý, khai thác dữ liệu và đảm bảo an ninh mạng, an ninh dữ liệu				

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả, sản phẩm
3.1	Cập nhật, cấu hình Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố đảm bảo việc thu phí, lệ phí theo quy định tại Nghị quyết 66.22/2026/NQ-CP.	Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố	Các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp xã	Tháng 9/2026	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính được cập nhật
3.2	Bảo đảm hệ thống định danh và xác thực điện tử vận hành thông suốt, an ninh mạng, an ninh dữ liệu; thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu tự động với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố để làm căn cứ áp dụng các chính sách ưu đãi quy định tại Nghị quyết 66.22/2026/NQ-CP.	Công an Thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp xã	Thường xuyên	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố được kết nối, chia sẻ dữ liệu tự động phục vụ áp dụng các chính sách ưu đãi theo quy định.
IV	Về tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ và đánh giá mức độ hài lòng của người dân				
4.1	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn công dân về các chính sách ưu đãi, quyền lợi và cách thức thực hiện dịch vụ công theo quy định tại Nghị quyết 66.22/2026/NQ-CP; hưởng ứng Ngày Công dân số Việt Nam 15 tháng 10.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp xã, các tổ chức đoàn thể	Thường xuyên	Văn bản chỉ đạo và phối hợp tuyên truyền; sản phẩm truyền thông.
4.2	Phát huy vai trò của các Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06, các tổ chức đoàn thể cơ sở trong tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận các tiện ích công dân số.	UBND cấp xã	Các sở, ban, ngành, tổ chức đoàn thể	Thường xuyên	Nội dung, sản phẩm tuyên truyền, kết quả thực hiện.
V	Về bảo đảm nguồn lực, chế độ báo cáo, tổng kết				

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả, sản phẩm
5.1	Đề xuất, bố trí nguồn lực, kinh phí cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao	Các sở, ban ngành, UBND cấp xã	Sở Tài chính	Thường xuyên	Báo cáo đề xuất bố trí kinh phí thực hiện
5.2	Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện, tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện; chấn chỉnh, xử lý các tồn tại, hạn chế, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Tham mưu sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, báo cáo theo quy định.	Công an Thành phố	Các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp xã	Thường xuyên, định kỳ hoặc đột xuất	Báo cáo, văn bản hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (nếu có).